

Bản án số: 21/2026/HS-ST.

Ngày: 16-01-2026.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc An.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lưu Đức Chung.

2. Ông Nguyễn Văn Ngẫu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hùng Chinh – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 169/2025/TLST-HS ngày 04 tháng 12 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2025/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 12 năm 2025 và Thông báo đòi ngày xét xử số 21/2025/TB-TA ngày 29 tháng 12 năm 2025 đối với bị cáo:

Đào Duy M, sinh năm 2006 tại tỉnh Đồng Nai.

Nơi cư trú: Tổ G, Ấp A, xã B, tỉnh Đồng Nai.

Số CMND/thẻ CCCD/Hộ chiếu: 026206002954 cấp ngày 27/02/2024. Nơi cấp: Cục C1 về TTXH.

Nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào Văn M1, sinh năm 1981 và bà Phùng Thị N, sinh năm 1983; Bị cáo là con thứ 1 trong gia đình có 03 anh em. Bị cáo chưa có vợ con.

- Tiền án: Không.

- Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/10/2025 đến ngày 18/10/2025 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

- Bị hại: Chị Trần Kiều M2, sinh năm 2002.

Địa chỉ: Ấp B, xã A, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 11 giờ ngày 03 tháng 10 năm 2025, Đào Duy M là công nhân Công ty Dong Yang thuộc xã L, tỉnh Đồng Nai đi xuống nhà xe để lấy xe mô tô đi về thì nhìn thấy xe mô tô hiệu Honda Vision biển kiểm soát: 69D1-489.15 của chị Trần Kiều M2 (sinh năm: 2002); không khoá cốp xe nên M đã mở ra phát hiện bên trong có 01 thẻ ATM ngân hàng S và căn cước công dân tên Trần Kiều M2. M lấy thẻ ATM cất giấu và dùng điện thoại di động chụp lại hình ảnh căn cước công dân của chị M2, mục đích trộm cắp tiền trong thẻ ATM. Đến 11 giờ ngày 04/10/2025, tại công ty D, M gặp bạn gái tên Phan Huỳnh Thị N1 làm chung công ty D để mượn xe mô tô hiệu Honda ViSon màu đen, biển kiểm soát 60AM-239.72. M điều khiển xe mô tô trên từ công ty D đến trụ ATM S tại đường T thuộc ấp P, xã N, tỉnh Đồng Nai, M nhập mật khẩu theo ngày tháng năm sinh của chị M2 trên thẻ căn cước công dân và truy cập vào được tài khoản của chị M2 thực hiện việc rút tiền 04 lần được tổng số tiền 11.500.000 đồng. Sau khi thực hiện trộm cắp xong M điều khiển xe mô tô đến tiệm rửa xe và gửi xe tại tiệm ở B xong M thuê xe đi đến gặp Nguyễn Lê Minh C (sinh năm: 2003) tại ấp B, xã L để mua 01 xe mô tô hiệu Winner, màu đen biển kiểm soát 60C1-950.22 với giá tiền 11.000.000 đồng để làm phương tiện sử dụng.

Đến khoảng 21 giờ ngày 09/10/2025, Đào Duy M đến Công an xã L, tỉnh Đồng Nai để đầu thú và khai nhận hành vi của mình.

Vật chứng thu giữ gồm:

+ 01 xe mô tô hiệu Honda Vision biển kiểm soát 60AM-239.72 của chị Phan Huỳnh Thị N1; 01 xe mô tô hiệu Winner biển kiểm soát 60C1-950.22 của Đào Duy M; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax màu xám của Đào Duy M sử dụng vào việc phạm tội.

+ 01 USB chứa dữ liệu hình ảnh trích xuất từ camera tại Công ty D có liên quan đến vụ án (hiện lưu giữ trong hồ sơ vụ án).

Về trách nhiệm dân sự: Chị M2 đã nhận lại tiền, không yêu cầu M bồi thường nên không xét đến.

Trước Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ bị cáo Đào Duy M đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như nêu trên phù hợp với các vật chứng, chứng cứ, tài liệu đã được thu thập đúng trình tự pháp luật có tại hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số 65/CT-VKSKV2 ngày 02/12/2025, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai đã truy tố bị cáo Đào Duy M về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Đào Duy M.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đề nghị xử phạt bị cáo Đào Duy M mức án từ 12 tháng đến 14 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax màu xám của Đào Duy M sử dụng vào việc phạm tội đề nghị tuyên tịch thu sung ngân sách nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa, bị cáo Đào Duy M khai nhận: Vào ngày 04/10/2025, tại ấp P, xã N, tỉnh Đồng Nai, Đào Duy M đã thực hiện hành vi trộm cắp 11.500.000 đồng của chị Trần Kiều M2. Đến ngày 09/10/2025, M đến Cơ quan Công an xã L, tỉnh Đồng Nai đầu thú.

Hành vi của bị cáo Đào Duy M đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Do đó, có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Đào Duy M đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai đã truy tố bị cáo Đào Duy M là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[2] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, do đó, cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử có xem xét trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo ra đầu thú, khắc phục trả lại tiền cho bị hại, bị hại có đơn yêu cầu giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên xem xét áp dụng điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[3] Vật chứng vụ án:

+ 01 xe mô tô hiệu Honda Vision biển kiểm soát 60AM-239.72 là tài sản hợp pháp của chị Phan Huỳnh Thị N1, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị N1.

+ 01 (một) xe mô tô hiệu Winner biển kiểm soát 60C1-950.22, Cơ quan điều tra đã trả lại cho Đào Duy M.

+ Tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax màu xám của Đào Duy M sử dụng vào việc phạm tội.

+ 01 USB chứa dữ liệu hình ảnh trích xuất từ camera tại Công ty D có liên quan đến vụ án (hiện lưu giữ trong hồ sơ vụ án).

[4] Về trách nhiệm dân sự: Chị M2 đã nhận lại tiền, không yêu cầu gì khác nên không xem xét.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[6] Về vấn đề khác:

Đối với Phan Huỳnh Thị N1 đã cho M mượn xe mô tô nhưng chị N1 không biết M mượn xe mô tô đi thực hiện hành vi trộm cắp nên Cơ quan điều tra không xử lý là đúng quy định.

Đối với Nguyễn Lê Minh C đã bán xe mô tô biển kiểm soát 60C1-950.22 cho M, nhưng C không biết M dùng tiền trộm cắp được để mua nên Cơ quan điều tra không xử lý là đúng quy định.

[7] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đều hợp pháp, đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố bị cáo **Đào Duy M** phạm tội **“Trộm cắp tài sản”**.

Xử phạt bị cáo **Đào Duy M 08 (tám) tháng tù**.

Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào cơ sở giam giữ chấp hành án được trừ đi thời gian bị tạm giữ từ ngày 10/10/2025 đến ngày 18/10/2025.

Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

T tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax màu xám của Đào Duy M.

Vật chứng nêu trên Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 – Đồng Nai đang tạm giữ theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 02/12/2025.

Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Đào Duy M phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND khu vực 2 – Đồng Nai (1);
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Đồng Nai (1);
- THADS tỉnh Đồng Nai (4);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Bị cáo (1); Bị hại (1);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng (2).

Nguyễn Ngọc An